KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1. MÔN TOÁN – LỚP 6

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)						Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng	Vận dụng cao	
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TL	TL	
1	**Chủ đề 1: Tập hợp các số tự nhiên 12 tiết (33%)**	- Tập hợp các số tự nhiên	2(C1;2) (0,5)						**3,75%**
		- Cộng, trừ, nhân chia số tự nhiên. Lũy thừa của một số tự nhiên; Thứ tự thực hiện các phép tính			1(C7) (0,25)	4(C9a,b; C10a,b) (2,0)	2(C9c; 10c) (1,0)		
2	**Chủ đề 2: Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên 12 tiết (33%)**	- Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 - Tính chất chia hết của một tổng.	2(C3;4) (0,5)					1(C13) (1,0)	**3,25%**
		- Số nguyên tố. - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN.	1(C5) (0,25)			2(C11a,b) (1,5)			
3	**Chủ đề 3: Một số hình phẳng trong thực tế 12 tiết (34%)**	- Hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi; Hình bình hành; Hình thang cân	1(C6) (0,25)			1(C12a) (1,0)			**30%**
		- Công thức tính chu vi và diện tích một số tứ giác đã học	1(C8) (0,25)				1(C12b) (1,5)		
Tổng			**7 (1,75)**		**1 (0,25)**	**7 (4,5)**	**3 (2,5)**	**1 (1,0)**	**19**
Tỉ lệ %			**17,5%**		**47,5%**		**25%**	**10%**	
Tỉ lệ chung			**65%**				**35%**		**100**

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1. MÔN TOÁN – LỚP 6

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4)	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				NB (5)	TH (6)	VD (7)	VDC (8)
1	**Chủ đề 1: Tập hợp các số tự nhiên 12 tiết (30%)**	1.1.Tập hợp các số tự nhiên - Cách viết tập hợp - Xác định được điểm thuộc và không thuộc tập hợp.	**Nhận biết:** Cách viết một tập hợp [1] - Biết phần tử thuộc hay không thuộc tập hợp [2]	**2**			
		1.2: Cộng, trừ, nhân chia số tự nhiên. Lũy thừa của một số tự nhiên	**Thông hiểu:** Hiểu cách nhân hai lũy thừa cùng cơ số.[7] - Hiểu thứ tự thực hiên phép tính để thực hiện các phép tính đơn giản.[9a,b], [10a,b]		**5**		
			Vận dụng: Biết cộng, trừ, nhân chia số tự nhiên, sử dụng các tính chất trong thực hiện các phép tính. [9c], [10c]			**2**	
2	**Chủ đề 2: Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên 12 tiết (30%)**	2.1: Dấu hiệu chia hết - Dấu hiệu chia hết cho 2 - Dấu hiệu chia hết cho 5 - Dấu hiệu chia hết cho 3 - Dấu hiệu chia hết cho 9 - Tìm điều kiện để 1 số chia hết cho …	**Nhận biết:** Nhận biết được một số có chia hết cho 2.[3] - Nhận biết chia hết của 1 tổng [4] **Vận dụng cao:** Áp dụng các tính chất chia hết làm bài toán về lũy thừa.[13]	**2**			**1**
		2.2. Số nguyên tố - Nhận biết được số nguyên tố - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố 2.3: Ước chung lớn nhất - Biết tìm ƯCLN	**Nhận biết** - Nhận ra số nguyên tố [5]	**1**			
			Thông hiểu: Hiểu được cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số tự nhiên đã cho. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. [11a,b]		**2**		

3	**Chủ đề 3: Một số hình phẳng trong thực tế 12 tiết (34%)**	3.1: Hình tam giác đều, hìn vuông, hình lục giác đều, hình chữ nhật… - Nhận biết được yếu tố các hình - Vẽ được các hình đã học	**Nhận biết:** Nhận biết các góc hình lục giác đều. [6] Thông hiểu: Vẽ được hình chữ nhật khi biết độ dài các cạnh. [12a]	**1**	**1**		
		3.2 Công thức tính chu vi và diện tích của hình học trực quan - Tính được chu vi diện tích các hình đã học. - Vận dụng vào các bài toán thực tế	**Nhận biết:** Biết công thức tính diện tích hình thoi [8] **Vận dụng:** Áp dụng công thức tính diện tích và chu vi hình chữ nhật để giải bài toán thực tế.[12b]	**1**		**1**	
Tổng				**7**	**8**	**3**	**1**
Tỉ lệ %				**30 %**	**40 %**	**20%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**3**	**4**	**2**	**1**

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 6
Ngày kiểm tra: ... tháng.....năm 2023
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)
ĐỀ CHẴN

I/ TRẮC NGHIỆM *(2,0 điểm)*

Hãy viết vào bài kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất:

Câu 1: Tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn hoặc bằng 9 là:
A. { 5; 6; 7; 8} B. {4; 5; 6; 7} C.{6;7; 8; 9} D. {7; 8; 9;10}

Câu 2: Cho B là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 7. Phần tử không thuộc tập hợp B là:
A. 4 B. 7 C. 5 D. 9

Câu 3: Số tự nhiên chia hết cho 2 và 5 có chữ số tận cùng là:
A. 5 B. 2 và 5 C. 2 D. 0

Câu 4: Tổng A = 90 + 20 + 35 chia hết cho:
A. 2 B. 5 C. 3 D. 10

Câu 5: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố
A. 16. B. 27. C. 2. D. 35.

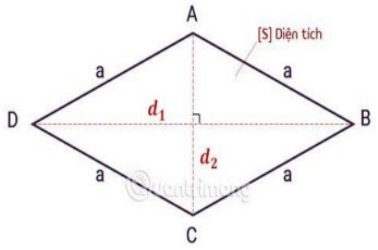
Câu 6: Trong hình lục giác đều mỗi góc có số đo bằng:
A. 60^0. B. 45^0. C. 90^0. D.120^0.

Câu 7: Kết quả phép tính $6^5 . 6^3$ được ghi dưới dạng một lũy thừa bằng:
A. 6^8 B. 6^{15} C. 36^8 D. 12^8

Câu 8: Cho hình thoi $ABCD$ có 2 đường chéo $d_1; d_2$. Diện tích hình thoi $ABCD$ là:

$A)\ S = \frac{1}{2} d_1$. $B)\ S = \frac{1}{2} d_2$

$C)\ S = \frac{1}{2} d_1 d_2$. $D)\ S = d_1 d_2$.



II. TỰ LUẬN *(8,0 điểm)*

Câu 9 *(1,5 điểm):* Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)
a) 125 + 70 + 375 + 230 b) 49. 55 + 45. 49 c) 256 : (17 . 2^3 + 15 . 2^3)

Câu 10 *(1,5 điểm):* Tìm số tự nhiên x, biết:
a) x - 4 = 3 b) x^3 + 17 = 44 c) 85 – 3.(x+1) = 52

Câu 11 *(1,5 điểm):* Trong ngày đại hội thể dục thể thao, Số học sinh của một trường khi xếp thành 12 hàng, 18 hàng, 21 hàng đều vừa đủ. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Biết số học sinh trong khoảng từ 500 đến 600 em.

Câu 12 *(2,5 điểm)*
a) Vẽ hình chữ nhật MNPQ có cạnh MN = 5cm; NP = 3cm.
b) Gia đình bác Bích dự định mua gạch men loại hình vuông cạnh bằng 50 cm để lát nền của căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 5m chiều dài 6m. Biết giá tiền mỗi viên gạch men là 80 000 đồng. Hỏi số tiền mà bác Bích dự tính cần phải trả để mua gạch men?

Câu 13: *(1,0 điểm)*
Tìm tất cả các số tự nhiên a khác 0 và b khác 0, sao cho a + b = 96 và ƯCLN(a,b) = 16.

---------- Hết ----------

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 6
Ngày kiểm tra: ... tháng……năm 2023
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)
ĐỀ LẺ

I/ TRẮC NGHIỆM ***(2,0 điểm)***

Hãy viết vào bài kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất:

Câu 1: Tập hợp B các số tự nhiên lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 8 là:
A. {5; 6; 7; 8} B. {5; 6; 7; 8; 9} C. {7; 8; 9} D. {4; 5; 6; 7}

Câu 2: Cho N là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 8. Phần tử thuộc tập hợp N là:
A. 5; B. 6; C. 7; D. 8.

Câu 3: Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?
A. 300; B. 363; C.164; D. 109.

Câu 4: Tổng A = 32 + 90 chia hết cho:
A. 2; B. 3; C. 5; D. 9.

Câu 5: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố
A. 35; B. 27; C. 7; D. 12.

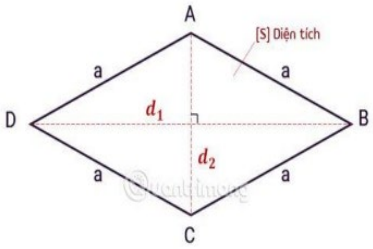
Câu 6: Trong tam giác đều mỗi góc có số đo bằng:
A. 90^0; B. 45^0; C. 30^0; D.60^0.

Câu 7: Kết quả phép tính $4^2 . 4^8$ được ghi dưới dạng một lũy thừa bằng:
A. 4^{10}; B. 4^{16}; C. 16^{10}; D. 8^{10}.

Câu 8: Cho hình thoi $ABCD$ có 2 đường chéo $d_1; d_2$. Diện tích hình thoi $ABCD$ là:

$A) S = \frac{1}{2} d_1$ $B) S = \frac{1}{2} d_1 . d_2$

$C) S = \frac{1}{2} d_2 .$ $D) S = d_1 d_2 .$



II. TỰ LUẬN ***(8,0 điểm)***

Câu 9: *(1,5 điểm)* Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)
a) 135 + 60 + 365 + 240 b) 37 . 28 + 37 . 72 c) $1290 - 20.(7^5 : 7^3 + 2023^0)$

Câu 10: *(1,5 điểm)* Tìm số tự nhiên x, biết:
a) x - 3 = 36 b) $x^4 + 11 = 27$; c) $80 – 2(x+1) = 32$.

Câu 11: *(1,5 điểm)* Cô giáo chủ nhiệm lớp 6A muốn chia 240 cuốn vở, 72 bút, 168 tập giấy kiểm tra thành một số phần thưởng như nhau để thưởng cho học sinh có thành tích cao nhân dịp sơ kết thi đua chào mừng 20 – 11. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng?

Câu 12: *(2,5 điểm)*

a) Vẽ hình chữ nhật ABCD có cạnh AB = 4cm; BC =6cm.

b) Gia đình bác Nam dự định mua gạch men loại hình vuông cạnh bằng 40 cm để lát nền của căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 4m, chiều dài 6m. Biết giá tiền mỗi viên gạch men là 50 000 đồng. Hỏi số tiền mà bác Nam dự tính cần phải trả để mua gạch men?

Câu 13: *(1,0 điểm)*

Tìm tất cả các số tự nhiên a khác 0 và b khác 0, sao cho a.b = 384 và ƯCLN(a,b) = 8.

---------- Hết ----------

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ CHẴN

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 6
(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)

I.TRẮC NGHIỆM *(2,0 điểm) (Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)*

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
Đáp án	C	D	C	B	C	D	A	C

II. TỰ LUẬN *(8,0 điểm)*

Câu	**Ý**	**Nội dung**	**Điểm**
9 (1,5 điểm)	a	143.64 - 43.64 = 64.(143 – 43) = 64. 100 = 64 000	0,25 0,25
	b	$5.4^2 – 18:3^2 = 5.16 – 18:9 = 80 - 2$ = 78	0,25 0,25
	c	256: (17.8 + 15.8) =256 : [8.(17+15)] =256 : 256 =1	0,25 0,25
10 (1,5 điểm)	a	x – 4 = 3 x = 4 + 3 x = 7 Vậy x = 7	0,25 0,25
	b	$x + 17 = 3^5:3^2$ $x + 17 = 27$ $x = 27 - 17$ $x = 10$ Vậy $x = 10$	0,25 0,25
	c	$85 - 3.(x + 1) = 52$ $3.(x + 1) = 85 - 52$ $3.(x + 1) = 33$ $x + 1 = 11$ $x = 10$	0,25 0,25

		Vậy $x = 10$	
11 (1,5 điểm)	a	Ta có $36 = 2^2.3^2$; $40 = 2^3.5$	0,5 0,5
	b	ƯCLN(36, 40) = $2^2 = 4$	0,5
12 (2,5 điểm)	a	- Vẽ đúng hình, đúng kích thước. - Hình vẽ sạch đẹp.	0,5 0,5
	b	Đổi 40 cm = 0,4 m Diện tích căn phòng là: 3. 4 = 12 (m^2) Diện tích của một viên gạch hình vuông cạnh 40 cm là: 0,4.0,4 = 0,16 (m^2) Số viên gạch bác Bích cần mua để lát căn phòng đó là: 12:0,16 = 75 (viên gạch)	0,25 0,5 0,25 0,5
13 (1,0 điểm)		Ta có A = $2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + 2^5 + 2^6$ $= 2.(1 + 2 + 2^2) + 2^4.(1 + 2 + 2^2)$ $= 2.7 + 2^4.7$ $= 7.(2 + 2^4) \vdots 7$	1,0

Lưu ý: Mọi đáp án khác đúng và lập luận chặt chẽ vẫn cho điểm tối đa

---------- Hết ----------

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ LẺ

HD CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 6
(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)

I.TRẮC NGHIỆM *(2,0 điểm) (Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	A	C	D	A	B

II. TỰ LUẬN *(8,0 điểm)*

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
9 (1,5 điểm)	a	$37.28 + 37.72 = 37.(28 + 72)$ $= 37.100 = 3700$	0,25 0,25
	b	$6.2^3 - 32:4^2 = 6.8 - 32:16 = 48 - 2$ $= 46$	0,25 0,25
	c	$1290 - 20.(7^5 : 7^3 + 2023^0) = 1290 - 20.(49+1) = 1290 - 20.50$ $= 1290 - 1000 = 290$	0,25 0,25
10 (1,5 điểm)	a	$x - 3 = 4$ $x = 4 + 3$ $x = 7$ Vậy $x = 7$	0,25 0,25
	b	$x + 11 = 5^6 : 5^4$ $x + 11 = 25$ $x = 25 - 11$ $x = 14$ Vậy $x = 14$	0,25 0,25
	c	$80 - 2.(x + 1) = 32$ $2.(x + 1) = 80 - 32$ $2.(x + 1) = 48$ $x + 1 = 24$ $x = 23$ Vậy $x = 23$	0,25 0,25

11 **(1,5 điểm)**	a	Ta có $60 = 2^2. 3.5$; $75 = 3.5^2$	0,5 0,5
	b	ƯCLN(60, 75) = 3 .5 = 15	0,5
12 **(2,5 điểm)**	a	- Vẽ đúng hình, đúng kích thước. - Hình vẽ sạch đẹp.	0,5 0,5
	b	Đổi 30 cm= 0,3 m Diện tích căn phòng là: 3. 9= 27 (m^2) Diện tích của một viên gạch hình vuông cạnh 30 cm là: $0,3.0,3 = 0,09$ (m^2) Số viên gạch bác Nam cần mua để lát căn phòng đó là: 27:0,09 = 300 (viên gạch)	0,25 0,5 0,25 0,5
13 **(1,0 điểm)**		Ta có $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + 2^5 + 2^6$ $= 2.(1 + 2) + 2^3.(1 + 2) + 2^5.(1 + 2)$ $= 2.3 + 2^3.3 + 2^5.3$ $= 3.(2 + 2^3 + 2^5) \vdots 3$	1,0

Lưu ý: Mọi đáp án khác đúng và lập luận chặt chẽ vẫn cho điểm tối đa

---------- Hết ----------